

3. Diện tích Khu bảo tồn thiên nhiên Thanh Phú sau khi điều chỉnh là: 2.584 ha.

4. Các Phân khu chức năng như sau:

- Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: diện tích là 668 ha, bao gồm các Khoảnh 1b; 2b; 5; 6 và 8b của Tiểu khu 19.

- Phân khu phục hồi sinh thái I: Diện tích là 527 ha bao gồm Khoảnh 1 (Tiểu khu 12 và 13) Khoảnh 3a (Tiểu khu 14); Khoảnh 2b (Tiểu khu 15); Khoảnh 2a; 3a; 4a (Tiểu khu 16); Khoảnh 2a (Tiểu khu 18); Khoảnh 8a (Tiểu khu 19).

- Phân khu phục hồi sinh thái II: Diện tích là 1.137,3 ha, bao gồm: Khoảnh 2 (Tiểu khu 12); Khoảnh 1a (Tiểu khu 14); Khoảnh 1; 3b; 4b (Tiểu khu 16); Khoảnh 1 (Tiểu khu 18); Khoảnh 1a; 2a; 3c; 3d và 4 (Tiểu khu 19).

- Phân khu hành chính dịch vụ: Diện tích 251,7 ha, bao gồm Khoảnh 2a, 2b2 và 3c (Tiểu khu 15).

Điều 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre chỉ đạo thực hiện việc điều chỉnh ranh giới của Khu bảo tồn thiên nhiên nêu trên theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Bộ trưởng các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các

cơ quan liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phó Thủ tướng

Nguyễn Tấn Dũng

QUYẾT ĐỊNH số 58/2005/QĐ-TTg
ngày 23/3/2005 của Thủ tướng
Chính phủ về việc phê duyệt
Đề án thí điểm hình thành
Tập đoàn Bưu chính Viễn
thông Việt Nam.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính Viễn thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 153/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2004 của Chính phủ về tổ chức, quản lý tổng công ty nhà nước và chuyển đổi tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông và Hội đồng quản trị Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án thí điểm hình thành Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam với những nội dung sau đây:

1. Hình thành Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao; kinh doanh đa ngành, trong đó viễn thông, công nghệ thông tin và bưu chính là các ngành kinh doanh chính; gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo; có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế; làm nòng cốt để ngành Bưu chính, Viễn thông Việt Nam phát triển nhanh và bền vững, cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả.

2. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam được hình thành trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam và các đơn vị thành viên, có cơ cấu như sau:

a) Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (gọi tắt là Tập đoàn), là công ty nhà nước, có chức năng đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp

khác, giữ quyền chi phối các công ty con thông qua vốn, nghiệp vụ, công nghệ, thương hiệu, thị trường; trực tiếp quản lý, kinh doanh mạng lưới viễn thông đường trục và bảo đảm việc thực hiện các nhiệm vụ công ích do Nhà nước giao.

Bộ máy quản lý của Tập đoàn bao gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

Hội đồng quản trị Tập đoàn có nhiều nhất là 9 thành viên, gồm: Chủ tịch Tập đoàn, Tổng giám đốc Tập đoàn, Trưởng ban kiểm soát Tập đoàn, Tổng giám đốc Tổng công ty Bưu chính Việt Nam, các Tổng giám đốc các Tổng công ty Viễn thông I, II, III và có thể có một, hai chuyên gia. Thành viên Hội đồng quản trị do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông.

Tập đoàn có trách nhiệm kế thừa các quyền và nghĩa vụ hợp pháp của Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam theo quy định của pháp luật.

b) Tổng công ty Bưu chính Việt Nam: là Tổng công ty do Nhà nước quyết định thành lập và giao vốn thông qua Tập đoàn; kinh doanh đa ngành, trong đó dịch vụ bưu chính là ngành kinh doanh chính; bảo đảm cung cấp các dịch vụ bưu chính công cộng theo quy định của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông và các nhiệm vụ bưu chính công ích khác do Nhà nước giao.

Cơ cấu quản lý của Tổng công ty gồm: Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc. Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Tổng công ty do Hội đồng quản trị Tập đoàn bổ nhiệm sau khi được Bộ Bưu chính, Viễn thông chấp thuận bằng văn bản.

c) Các Tổng công ty Viễn thông hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, gồm:

- Tổng công ty Viễn thông I (hoạt động trên địa bàn các tỉnh từ Quảng Bình trở ra).

- Tổng công ty Viễn thông III (hoạt động trên địa bàn các tỉnh từ Quảng Trị đến Ninh Thuận và các tỉnh Tây Nguyên).

- Tổng công ty Viễn thông II (hoạt động trên địa bàn các tỉnh từ Bình Thuận trở vào).

Cơ cấu quản lý của các Tổng công ty Viễn thông I, II, III gồm: Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc. Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng của các Tổng công ty này do Hội đồng quản trị Tập đoàn bổ nhiệm sau khi được Bộ Bưu chính, Viễn thông chấp thuận bằng văn bản.

d) Các công ty do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ, gồm:

- Công ty Điện toán và Truyền số liệu.
- Công ty Phát triển phần mềm và truyền thông.

đ) Các công ty do Tập đoàn nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, gồm:

- Công ty cổ phần Thông tin di động.
- Công ty cổ phần Dịch vụ viễn thông.
- Các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn nhiều thành viên khác được hình thành từ cổ phần hóa, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước hoặc thành lập mới hoạt động trong những ngành nghề pháp luật cho phép.

e) Các công ty do Tập đoàn nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ (công ty liên kết), bao gồm các công ty hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất thiết bị, công nghiệp phần mềm, xây lắp, thương mại, cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng, bảo hiểm, du lịch và các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

g) Các công ty liên doanh với nước ngoài về viễn thông và công nghệ thông tin.

h) Các đơn vị sự nghiệp, gồm: Học viện Công nghệ Bưu chính, Viễn thông và các bệnh viện thuộc Tổng công ty Bưu chính Viễn thông hiện nay.

3. Lộ trình hình thành Tập đoàn:

- Quý II đến Quý IV năm 2005:

+ Thành lập Tập đoàn, Tổng công ty Bưu chính Việt Nam, các Tổng công ty Viễn thông I, II, III và các Công ty do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ.

+ Cổ phần hóa các doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp để hình thành các công ty con, công ty liên kết.

- Quý IV năm 2005: chuyển Cục Bưu điện Trung ương về trực thuộc Bộ Bưu chính, Viễn thông quản lý, chuyển các đơn vị nêu tại điểm h khoản 2 Điều 1 Quyết định này thành đơn vị sự nghiệp độc lập và hoạt động theo cơ chế quy định tại Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Bộ Bưu chính, Viễn thông:

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo và theo dõi việc thực hiện Đề án này; kịp thời phát hiện, giải quyết những vướng mắc phát sinh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ giải quyết những vấn đề vượt quá thẩm quyền; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ những vấn đề mới cần thí điểm trong quá trình thực hiện Đề án.

- Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và phê duyệt Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam; chuyển Cục Bưu điện Trung ương về Bộ Bưu chính, Viễn thông quản lý.

- Quyết định thành lập Tổng công ty Bưu chính Việt Nam, các Tổng công ty Viễn thông I, II, III và các công ty do

Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bằng văn bản. Thông qua Điều lệ tổ chức, hoạt động của các Tổng công ty và Công ty này để Hội đồng quản trị Tập đoàn phê duyệt.

- Quyết định cổ phần hóa để hình thành các công ty con, công ty liên kết nói ở điểm đ và e khoản 2 Điều 1 Quyết định này.

- Quy định về giá cước kết nối và quản lý kết nối, bảo đảm việc cung cấp các dịch vụ trên mạng lưới viễn thông đường trục bình đẳng cho mọi khách hàng trong và ngoài Tập đoàn.

2. Bộ Tài chính:

Phê duyệt Quy chế tài chính của Tập đoàn, Tổng công ty Bưu chính Việt Nam và các Tổng công ty Viễn thông I, II, III.

3. Hội đồng quản trị Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam:

- Xây dựng các Đề án thành lập và Điều lệ tổ chức hoạt động của: Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tổng công ty Bưu chính Việt Nam, các Tổng công ty Viễn thông I, II, III, các công ty do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ và Đề án chuyển Cục Bưu điện Trung ương trình Bộ Bưu chính, Viễn thông.

- Trình Bộ Bưu chính, Viễn thông quyết định chuyển các doanh nghiệp, bộ

phận doanh nghiệp thành công ty cổ phần.

- Bảo đảm các hoạt động trong vận hành mạng lưới và cung cấp các dịch vụ cho khách hàng và chuyển giao các quyền và nghĩa vụ hợp pháp giữa Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam và Tập đoàn được liên tục.

4. Bộ trưởng các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Bộ Bưu chính, Viễn thông và Hội đồng quản trị Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam trong việc thực hiện các nhiệm vụ nêu trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Bộ trưởng các Bộ: Bưu chính, Viễn thông, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp và Hội đồng quản trị Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phó Thủ tướng

Nguyễn Tấn Dũng

QUYẾT ĐỊNH số 61/2005/QĐ-TTg
ngày 24/3/2005 của Thủ tướng
Chính phủ về chế độ, chính
sách đối với cán bộ Đoàn
Thanh niên Cộng sản Hồ Chí
Minh, Hội Sinh viên Việt Nam,
Hội Liên hiệp Thanh niên Việt
Nam trong các trường đại học,
cao đẳng, trung học chuyên
ng nghiệp, dạy nghề và trung
học phổ thông.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-TW ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh